

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG NGHỆ TĨNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025**



## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch
Ông Bùi Kiều Hưng	Thành viên
Ông Trần Văn Đạt	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Kiều Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Phan Thị Nhị Hà	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Thế Tiến	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dung	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng	Kế toán trưởng
--------------------------	----------------

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ này.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Kiều Hưng**  
**Tổng Giám đốc**

*Nghệ An, ngày 11 tháng 08 năm 2025*

Số: 860/2025/UHY-BCSX

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đ. Tố Hữu,  
P. Đại Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

T: +84 24 5678 3999

E: uhy-info@uhy.vn

uhy.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 11/08/2025, từ trang 05 đến trang 36 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Hà Minh Long**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Mẫu số B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30/06/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>60.683.945.569</b>	<b>49.628.307.046</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18.648.068.085	12.413.338.128
Tiền	111		12.748.068.085	7.413.338.128
Các khoản tương đương tiền	112		5.900.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.083.309.589	4.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.083.309.589	4.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.217.401.060	27.062.537.644
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	28.763.933.678	24.286.016.300
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.155.805.054	2.336.312.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.817.294.868	2.040.051.843
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.869.662.391)	(1.949.873.250)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	350.029.851	350.029.851
Hàng tồn kho	140	V.8	3.217.831.882	2.937.059.976
Hàng tồn kho	141		3.217.831.882	2.937.059.976
Tài sản ngắn hạn khác	150		517.334.953	3.215.371.298
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	500.722.105	646.804.435
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.568.566.863
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	16.612.848	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>251.347.512.199</b>	<b>265.399.917.618</b>
Tài sản cố định	220		231.035.260.598	214.290.229.361
Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	230.707.260.598	213.914.229.361
- Nguyên giá	222		708.443.270.378	674.726.494.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(477.736.009.780)	(460.812.265.091)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	328.000.000	376.000.000
- Nguyên giá	228		875.862.000	875.862.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(547.862.000)	(499.862.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	175.296.296	32.530.607.407
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		175.296.296	32.530.607.407
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.860.000.000	4.860.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.860.000.000	4.860.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		15.276.955.305	13.719.080.850
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	15.276.955.305	13.719.080.850
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>312.031.457.768</b>	<b>315.028.224.664</b>

Mẫu số B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
Tại ngày 30/06/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>68.575.622.873</b>	<b>72.318.404.325</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.521.622.873</b>	<b>67.618.404.325</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	9.555.288.207	38.351.791.940
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	366.956.538	1.113.750.343
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	4.624.098.498	1.061.616.737
Phải trả người lao động	314		17.841.356.332	24.018.113.191
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	195.754.468
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	12.055.201.624	298.296.581
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	5.244.000.000	1.720.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.834.721.674	859.081.065
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.054.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	17.054.000.000	4.700.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>243.455.834.895</b>	<b>242.709.820.339</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>243.455.834.895</b>	<b>242.709.820.339</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		215.172.000.000	215.172.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.206.298.524	9.789.366.731
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.077.536.371	17.748.453.608
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		903.187.969	829.471.327
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.174.348.402	16.918.982.281
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>312.031.457.768</b>	<b>315.028.224.664</b>

Nghệ An, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Lữ Giáp

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Bùi Kiều Hưng

Mẫu số B02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	126.241.171.614	116.526.679.268
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		126.241.171.614	116.526.679.268
Giá vốn hàng bán	11	VL.2	92.448.963.979	88.287.814.489
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.792.207.635	28.238.864.779
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.280.315.320	2.229.864.210
Chi phí tài chính	22	VI.4	962.818.328	604.005.602
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		905.270.963	603.002.640
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.527.583.553	17.706.582.637
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.582.121.074	12.158.140.750
Thu nhập khác	31	VI.6	10.232.064	853.825.386
Chi phí khác	32	VI.7	228.604.124	152.248.436
Lợi nhuận khác	40		(218.372.060)	701.576.950
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.363.749.014	12.859.717.700
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3.189.400.612	2.394.143.479
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.174.348.402	10.465.574.221
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.10	705	486
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.11	705	486

Nghệ An, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Lữ Giáp

Nguyễn Thị Thanh Hồng



Bùi Kiều Hưng

Mẫu số B03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>18.363.749.014</b>	<b>12.859.717.700</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.971.744.689	15.113.321.355
Các khoản dự phòng	03		(80.210.859)	389.962.043
(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(12.051.298)	(33.997.166)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(2.927.577.651)	(1.727.669.928)
Chi phí lãi vay	06		905.270.963	603.002.640
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>33.220.924.858</b>	<b>27.204.336.644</b>
Giảm các khoản phải thu	09		(4.485.287.305)	5.817.940.525
(Giảm) hàng tồn kho	10		(280.771.906)	(680.381.651)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.487.462.822)	5.212.137.380
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(1.411.792.125)	(2.983.967.708)
Tiền lãi vay đã trả	14		(887.669.714)	(603.002.640)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.030.919.152)	(2.813.017.577)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(2.504.985.368)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>21.637.021.834</b>	<b>28.649.059.605</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.099.200.000)	(11.716.348.384)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(83.309.589)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.890.166.414	1.727.669.928
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(31.292.343.175)</b>	<b>(9.988.678.456)</b>

Mẫu số B03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		36.580.274.500	7.255.492.507
Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.702.274.500)	(19.532.492.507)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>15.878.000.000</b>	<b>(12.277.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>6.222.678.659</b>	<b>6.383.381.149</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>12.413.338.128</b>	<b>18.647.780.912</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.051.298	33.997.166
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>18.648.068.085</b>	<b>25.065.159.227</b>

Nghệ An, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Trần Lữ Giáp

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hồng

Tổng Giám đốc



Bùi Kiều Hưng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**Mẫu số B09a-DN**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Nghệ Tĩnh theo Quyết định số 749/NQ-HHVN ngày 19/03/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900325068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 31/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 10, đường Trường Thi, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 215.172.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2024 là 215.172.000.000 đồng; tương đương 21.517.2000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 384 người (tại ngày 01/01/2025 là 393 người).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng; kinh doanh kho, bãi, dịch vụ Logistic.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: dịch vụ dẫn dắt tàu ra ngoài cảng, lai dắt tàu biển, hướng dẫn, kiểm tra tàu hoạt động trong khu vực cảng; dịch vụ cứu hộ, cứu nạn tàu thuyền trên biển; dịch vụ tàu biển, thu gom hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh kho bãi và kho ngoại quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Xây dựng và kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi
Xí nghiệp xếp dỡ Bến Thủy	Nghệ An	Bốc xếp, cho thuê kho bãi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn 01/01/2024 - 30/06/2024, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và hoàn toàn có thể so sánh được

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp)**

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**3. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Đầu tư vào Công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thoả thuận khác).

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải	05 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 05
- Các tài sản khác	03 - 10

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**9. Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 05 năm.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 06 đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**13. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**14. Vay và chi phí đi vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**16. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính:

*Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**17. Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng theo hướng dẫn của Luật thuế Giá trị gia tăng hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)**

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tiếp)**

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ Khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**21. Báo cáo bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp hàng hóa phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	53.225.494	6.537.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.694.842.591	7.406.801.010
Các khoản tương đương tiền (*)	5.900.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.648.068.085</b>	<b>12.413.338.128</b>

(\*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 3,8%/năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.083.309.589	4.083.309.589	4.000.000.000	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	4.083.309.589	4.083.309.589	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>4.083.309.589</b>	<b>4.083.309.589</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng với lãi suất 4,2%/năm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

**b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết**

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	4.860.000.000	-	(*)	4.860.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.860.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Thông tin về Công ty liên kết tại ngày 30/06/2025:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ hàng hải Cảng Cửa Lò	Nghệ An	36%	36%	Kinh doanh vận tải, lai dất tàu

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty Vận tải Quốc tế Mê Kông	4.691.637.147	6.214.501.642
- Công ty Cổ phần Đông Dương Logistics	3.108.815.532	3.748.606.711
- Công ty Cổ phần Vận tải biển GLS	3.593.916.999	3.375.029.458
- Công ty TNHH Cảng Cửa Lò	1.551.068.946	616.908.390
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	1.022.777.590
- Công ty Cổ phần Thương Mại Thép Hùng Cường	3.184.794.449	1.403.113.087
- Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật Kim loại Tân Việt	2.105.301.931	-
- Các khách hàng khác	9.505.621.084	7.905.079.422
<b>Cộng</b>	<b>28.763.933.678</b>	<b>24.286.016.300</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>483.878.361</b>	<b>70.680.540</b>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế tại Nghệ An	210.112.640	-
- Công ty Vận tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	188.024.555	-
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	85.741.166	70.680.540

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại DONARCO	4.064.904.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Xây dựng Việt Phát	300.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị nâng Hải Hà	-	115.500.000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam	264.600.000	189.000.000
- Công ty TNHH Phát triển Xây dựng và Thương Mại	-	1.456.800.000
- Các khoản trả trước khác	526.301.054	275.012.900
<b>Cộng</b>	<b>5.155.805.054</b>	<b>2.336.312.900</b>

**5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền	350.029.851	350.029.851
<b>Cộng</b>	<b>350.029.851</b>	<b>350.029.851</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tạm ứng	130.000.000	-	142.670.000	-
- Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	37.411.237	-	78.750.000	-
- Phải thu Công đoàn	175.648.000	-	175.648.000	-
- Phải thu Bảo hiểm xã hội	352.363.136	-	305.897.127	-
- Phải thu thuế TNCN	1.119.464.995	-	1.281.054.502	-
- Phải thu khác	2.407.500	-	56.032.214	-
<b>Cộng</b>	<b>1.817.294.868</b>	<b>-</b>	<b>2.040.051.843</b>	<b>-</b>

7. Nợ xấu

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Namico	1.022.777.590	-	1.022.777.590	-
- Công ty TNHH Bắc Sơn	289.444.738	-	289.444.738	-
- Các đối tượng khác	557.440.063	-	647.969.525	10.318.603
<b>Cộng</b>	<b>1.869.662.391</b>	<b>-</b>	<b>1.960.191.853</b>	<b>10.318.603</b>
				Trên 3 năm
				Trên 3 năm
				Từ 1 năm đến trên 3 năm

8. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.438.864.721	-	2.627.806.452	-
Công cụ, dụng cụ	778.967.161	-	309.253.524	-
<b>Cộng</b>	<b>3.217.831.882</b>	<b>-</b>	<b>2.937.059.976</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**9. Chi phí trả trước**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>500.722.105</b>	<b>646.804.435</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	193.379.851	19.621.214
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	307.342.254	627.183.221
<b>Dài hạn</b>	<b>15.276.955.305</b>	<b>13.719.080.850</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	116.234.472	702.519.187
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	14.617.319.883	12.200.918.848
- Phân bổ chi phí nạo vét vũng đậu tàu	-	111.789.001
- Chi phí trả trước dài hạn khác	543.400.950	703.853.814
<b>Cộng</b>	<b>15.777.677.410</b>	<b>14.365.885.285</b>

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2025	875.862.000	875.862.000
30/06/2025	875.862.000	875.862.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2025	(499.862.000)	(499.862.000)
- Khấu hao trong kỳ	(48.000.000)	(48.000.000)
30/06/2025	(547.862.000)	(547.862.000)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2025	376.000.000	376.000.000
30/06/2025	328.000.000	328.000.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025: 395.862.000 đồng (tại ngày 31/12/2024: 395.862.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2025	346.280.011.548	16.237.845.130	291.953.144.838	1.076.039.545	19.179.453.391	674.726.494.452
- Mua trong kỳ	-	-	4.496.296.296	-	-	4.496.296.296
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	29.220.479.630	-	-	29.220.479.630
30/06/2025	<u>346.280.011.548</u>	<u>16.237.845.130</u>	<u>325.669.920.764</u>	<u>1.076.039.545</u>	<u>19.179.453.391</u>	<u>708.443.270.378</u>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2025	(275.884.481.862)	(10.668.452.278)	(155.865.549.479)	(886.644.444)	(17.507.137.028)	(460.812.265.091)
- Khấu hao trong kỳ	(4.630.539.597)	(3.357.167.835)	(8.375.503.356)	(50.118.270)	(510.415.631)	(16.923.744.689)
30/06/2025	<u>(280.515.021.459)</u>	<u>(14.025.620.113)</u>	<u>(164.241.052.835)</u>	<u>(936.762.714)</u>	<u>(18.017.552.659)</u>	<u>(477.736.009.780)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2025	<u>70.395.529.686</u>	<u>5.569.392.852</u>	<u>136.087.595.359</u>	<u>189.395.101</u>	<u>1.672.316.363</u>	<u>213.914.229.361</u>
30/06/2025	<u>65.764.990.089</u>	<u>2.212.225.017</u>	<u>161.428.867.929</u>	<u>139.276.831</u>	<u>1.161.900.732</u>	<u>230.707.260.598</u>

Nguyên giá TSCĐHH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 279.340.357.687 đồng (tại ngày 31/12/2024 là 259.448.102.050 đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình đã dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là: 67.949.316.718 đồng (tại ngày 31/12/2024 là: 48.906.649.690 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Dự án đầu tư 02 cần trục chân đế cố định (cầu 1)	-	-	29.076.064.815	29.076.064.815
- Công trình nâng cấp mặt cầu, bãi chứa hàng và đường nội bộ XNXD Cửa Lò (1)	125.000.000	125.000.000	-	-
- Sửa chữa Kho số 1 XNXD Cửa Lò	-	-	3.351.950.000	3.351.950.000
- Dự án nạo vét Khu nước trước Cảng Bến Thủy (2)	46.296.296	46.296.296	46.296.296	46.296.296
- Dự án sửa chữa nâng cấp mặt cầu số 1	-	-	52.296.296	52.296.296
- Các công trình khác	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>175.296.296</b>	<b>175.296.296</b>	<b>32.530.607.407</b>	<b>32.530.607.407</b>

(1) Tên dự án: Nâng cấp mặt cầu, bãi chứa hàng và đường nội bộ tại XNXD Cửa Lò.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh
- Mục tiêu đầu tư: Công trình được cải tạo đầu tư tạo thuận lợi hơn cho phương tiện hoạt động và quá trình khai thác hàng hóa tại XNXD Cửa Lò. Khôi phục hệ thống mặt cầu, bãi chứa hàng và đường nội bộ hiện hữu đã xuống cấp. Từng bước đầu tư cải tạo cơ sở hạ tầng cho cảng, qua đó nâng cao năng lực hoạt động, năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.
- Nội dung và quy mô đầu tư: Tiến hành nâng cấp mặt cầu số 3 với diện tích là 6.297,9m<sup>2</sup>; bãi chứa hàng với diện tích là 1.760,8m<sup>2</sup>; đường nội bộ với diện tích là 2.487,3m<sup>2</sup>; hệ thống ga, bể lắng, đường ống thu nước, mương thu nước mặt, gờ chắn xe. Tổng diện tích nâng cấp của công trình là 10.546m<sup>2</sup>.
- Địa điểm xây dựng: XNXD Cửa lò - Nghệ An.
- Tổng mức đầu tư của dự án: 8.475.367.732 đồng.
- Tiến độ thực hiện dự án: 6 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp)**

(2) Công trình Nạo vét duy tu Khu nước trước Cảng Bến Thủy với tổng mức đầu tư là 1.127.600.000 đồng

- Mục tiêu: Nạo vét duy tu khu nước trước Cảng Bến Thủy

- Địa điểm: XNXD Bến Thủy, Nghệ An

- Nguồn vốn: Vốn tự có;

- Tại ngày 30/06/2025: Công trình đã hoàn thành bước lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật (tại 31/12/2024), với chi phí giải ngân 46.300.000 đồng. Năm 2025, Cục Hàng hải và Đường thủy triển khai nạo vét luồng Cửa Hội – Bến Thủy từ phao 0 đến phao 8 bằng vốn ngân sách. Tuy nhiên, đoạn từ phao 26 đến Cảng Bến Thủy chưa được thực hiện, dự kiến sẽ do Sở Xây dựng Nghệ An triển khai cuối năm 2026 bằng nguồn vốn xã hội hóa. Do đó, khu nước trước bến Cảng Bến Thủy chưa thể nạo vét, ảnh hưởng đến việc tàu ra vào cảng, và công tác này sẽ được chuyển sang năm 2026 hoặc 2027 tùy tiến độ dự án nạo vét luồng từ phao 26 đến cảng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
- Công ty TNHH Thiết bị nâng Hải Phòng	-	-	30.700.000.000	30.700.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng 124	-	-	2.807.563.000	2.807.563.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng 569	-	-	1.976.189.000	1.976.189.000
- Công ty TNHH PICIFA	3.006.767.250	3.006.767.250	378.582.750	378.582.750
- Công ty TNHH Vận tải Bảo Phát	2.002.958.641	2.002.958.641	-	-
- Công ty TNHH Xăng Dầu Nguyên Vinh	467.166.850	467.166.850	-	-
- Công ty Cổ phần Kho vận Nhật Việt Nghệ An	960.051.960	960.051.960	460.443.960	460.443.960
- Các đối tượng khác	3.118.343.506	3.118.343.506	2.029.013.230	2.029.013.230
<b>Cộng</b>	<b>9.555.288.207</b>	<b>9.555.288.207</b>	<b>38.351.791.940</b>	<b>38.351.791.940</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty TNHH Frescol Tuna (Việt Nam)	-	468.585.000
- Công ty TNHH Anh Tuấn Ngọc	3.217.498	150.827.330
- Công ty TNHH CLIO Shipping & Logistics Việt Nam - INC	-	118.624.746
- Công ty TNHH TM dịch vụ vận tải Hoa phương Nam	-	110.484.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Vận tải Đồng Nai	73.440.000	-
- Lao - China Base Petroleum Oil Co., Ltd.	69.281.864	-
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Agro	48.000.000	-
- Các đối tượng khác	173.017.176	265.229.267
<b>Cộng</b>	<b>366.956.538</b>	<b>1.113.750.343</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	-	7.795.375.578	7.095.756.241	699.619.337
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	998.898.935	3.189.400.612	1.030.919.152	3.157.380.395
- Thuế thu nhập cá nhân	62.717.802	1.132.349.201	1.195.067.003	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	767.098.766	-	767.098.766
- Các loại thuế khác	-	5.044.068	5.044.068	-
<b>Cộng</b>	<b>1.061.616.737</b>	<b>12.889.268.225</b>	<b>9.326.786.464</b>	<b>4.624.098.498</b>
	01/01/2025	Số đã thực thu trong kỳ	Số phải thu trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	16.612.848	16.612.848
<b>Cộng</b>	-	-	<b>16.612.848</b>	<b>16.612.848</b>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả tiền cổ tức	11.864.442.000	29.982.000
Kinh phí công đoàn	-	123.075.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác	190.759.624	145.238.781
<b>Cộng</b>	<b>12.055.201.624</b>	<b>298.296.581</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2025		Trong kỳ		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>5.244.000.000</b>	<b>5.244.000.000</b>	<b>22.464.274.500</b>	<b>18.940.274.500</b>	<b>1.720.000.000</b>	<b>1.720.000.000</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	<i>18.080.274.500</i>	<i>18.080.274.500</i>	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	-	-	18.080.274.500	18.080.274.500	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>5.244.000.000</i>	<i>5.244.000.000</i>	<i>4.384.000.000</i>	<i>860.000.000</i>	<i>1.720.000.000</i>	<i>1.720.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (*)	5.244.000.000	5.244.000.000	4.384.000.000	860.000.000	1.720.000.000	1.720.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>17.054.000.000</b>	<b>17.054.000.000</b>	<b>18.500.000.000</b>	<b>6.146.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (*)	17.054.000.000	17.054.000.000	18.500.000.000	6.146.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.298.000.000</b>	<b>22.298.000.000</b>	<b>40.964.274.500</b>	<b>25.086.274.500</b>	<b>6.420.000.000</b>	<b>6.420.000.000</b>

(\*) Là các Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh:

+ Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 05/2023/ĐADT/NAP-02 ngày 04/07/2023 với hạn mức tín dụng là 9 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2025 là 5.560.000.000 đồng với lãi suất cho vay 8,4%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu, sau thời gian áp dụng lãi suất cố định: lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, bằng đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, áp dụng đối với khách hàng cá nhân của VCB cộng biên độ 2,8%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Mục đích vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án đầu tư 01 cần trục chân đế 40 tấn tại Cảng Cửa Lò phục vụ sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò.  
Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên là 01 chân đế cầu cảng Liebherr loại TCC 230 CBW40/29,5; 01 chân đế di động và 01 cầu Liebherr loại CBW40/29,5 US; 01 cầu cầu bờ di động bánh lốp 100 tấn Model GHMK 3406 nhãn hiệu Terex Gottwald của Đức.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

+ Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 05/2025/DADT/NAP-00 ngày 13/01/2025 với hạn mức tín dụng là 20,4 tỷ đồng, số tiền vay đến ngày 30/06/2024 là 16.738.000.000 đồng với lãi suất cho vay 6,6%/năm, cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu. Sau thời gian áp dụng lãi suất cố định, mức lãi suất được xác định:  $Sàn\ lãi\ suất\ cho\ vay = Min(A;B)$  (trong đó: A là lãi suất cho vay theo quy định lãi suất cho vay trung dài hạn thông thường theo quy định của VCB trong từng thời kỳ; B là lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, bằng đồng Việt Nam, trả lãi cuối kỳ, áp dụng đối với khách hàng cá nhân của VCB cộng biên độ 2,8%/năm, kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Mục đích vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án đầu tư 02 cần trục chân đế cố định phục vụ sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp xếp dỡ Cửa Lò.

Tài sản thế chấp cho khoản vay nêu trên gồm: 01 cần cẩu bờ di động bánh lốp 100 tấn, Model GHMK 3406, nhãn hiệu Terex Gottwald, xuất xứ Đức; và 01 cần cẩu quay điện biến tần sức nâng 40 tấn, Model/mã hiệu GLE 4030-2, số serial 63500989, hãng sản xuất Macgregor, sản xuất năm 2022 tại Thụy Điển, được lắp cố định lên móng tại cầu 3 – Cảng Cửa Lò.

**18. Vốn chủ sở hữu**

**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	215.172.000.000	4.845.748.399	21.393.607.483	241.411.355.882
- Lãi trong năm trước	-	-	16.918.982.281	16.918.982.281
- Phân phối lợi nhuận	-	4.943.618.332	(20.564.136.156)	(15.620.517.824)
31/12/2024	215.172.000.000	9.789.366.731	17.748.453.608	242.709.820.339
01/01/2025	215.172.000.000	9.789.366.731	17.748.453.608	242.709.820.339
- Lãi trong kỳ này	-	-	15.174.348.402	15.174.348.402
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	2.416.931.793	(16.845.265.639)	(14.428.333.846)
30/06/2025	215.172.000.000	12.206.298.524	16.077.536.371	243.455.834.895

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**18. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp)**

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	829.471.327
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024	16.918.982.281
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	2.416.931.793
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	2.593.873.846
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	11.834.460.000
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	903.187.969

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ %	Số tiền góp vốn VND	Tỷ lệ %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	109.737.720.000	51,00	109.737.720.000	51,00
- Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	45.941.560.000	21,35	45.941.560.000	21,35
- Các cổ đông khác	59.492.720.000	27,65	59.492.720.000	27,65
<b>Cộng</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>100</b>	<b>215.172.000.000</b>	<b>100</b>

**18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	215.172.000.000	215.172.000.000
+ Vốn góp cuối năm	215.172.000.000	215.172.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.834.460.000	12.910.320.000

**18d. Cổ phiếu**

	30/06/2025 CP	01/01/2025 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.517.200	21.517.200
+ Cổ phiếu phổ thông	21.517.200	21.517.200
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**18. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**18e. Các quỹ của Công ty**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	12.206.298.524	9.789.366.731

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Cửa Lò và Phường Trường Vinh với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 304.597,90 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất từ 20 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
- Đô la Mỹ (USD)	188.673,61	191.836,69

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	119.923.225.827	112.153.451.657
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	5.981.315.761	4.085.444.300
- Cung cấp dịch vụ tại Văn phòng Công ty	336.630.026	287.783.311
<b>Cộng</b>	<b>126.241.171.614</b>	<b>116.526.679.268</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp tại Xí nghiệp Xếp dỡ Cửa Lò	85.680.358.534	82.040.915.312
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp tại Xí nghiệp Xếp dỡ Bến Thủy	6.768.605.445	6.246.899.177
<b>Cộng</b>	<b>92.448.963.979</b>	<b>88.287.814.489</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	122.954.345	179.669.928
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.804.623.306	1.548.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	340.686.371	468.197.116
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	12.051.298	33.997.166
<b>Cộng</b>	<b>3.280.315.320</b>	<b>2.229.864.210</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Chi phí lãi vay	905.270.963	603.002.640
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.547.365	1.002.962
<b>Cộng</b>	<b>962.818.328</b>	<b>604.005.602</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.966.280.182	8.227.760.316
- Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	1.416.490.324	791.428.731
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	381.500.946	391.616.857
- Trích lập/ (Hoàn nhập) chi phí dự phòng	(80.210.859)	206.554.993
- Thuế, phí, lệ phí	261.559.917	389.962.043
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.387.105.725	1.393.366.168
- Chi phí khác bằng tiền	5.194.857.318	6.305.893.529
<b>Cộng</b>	<b>17.527.583.553</b>	<b>17.706.582.637</b>

**6. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Thu nhượng bán, thanh lý vật tư, hàng rẻ	-	45.540.000
- Thu nhập khác	10.232.064	808.285.386
<b>Cộng</b>	<b>10.232.064</b>	<b>853.825.386</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**7. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
- Phạt vi phạm hành chính về thuế	-	3.856.763
- Chi ủng hộ	227.500.000	-
- Chi phí khác	1.104.124	148.391.673
<b>Cộng</b>	<b>228.604.124</b>	<b>152.248.436</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.403.672.984	16.528.826.866
Chi phí nhân công	40.621.953.284	46.590.944.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.971.744.689	15.113.321.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.740.888.685	17.467.777.087
Chi phí khác bằng tiền	8.238.287.890	10.293.527.468
<b>Cộng</b>	<b>109.976.547.532</b>	<b>105.994.397.126</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>18.363.749.014</b>	<b>12.859.717.700</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>547.978.442</b>	<b>692.996.862</b>
- Thù lao thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách	243.000.000	204.000.000
- Chi phí không hợp lệ	266.261.255	475.005.787
- Chi phí không được trừ khác	38.717.187	13.991.075
<b>Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế</b>	<b>2.804.623.306</b>	<b>1.581.997.166</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.804.623.306	1.548.000.000
- Lãi do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	33.997.166
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>16.107.104.150</b>	<b>11.970.717.396</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Thuế TNDN tăng do điều chỉnh hóa đơn rủi ro năm 2023	32.020.218	-
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>3.189.400.612</b>	<b>2.394.143.479</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.189.400.612</b>	<b>2.394.143.479</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Lợi nhuận sau thuế	15.174.348.402	10.465.574.221
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	15.174.348.402	10.465.574.221
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	21.517.200	21.517.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>705</b>	<b>486</b>

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<b>Đối tượng</b>	<b>Mối quan hệ</b>
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Vận tải Biển VIMC	Chi nhánh của Công ty mẹ
- Công đoàn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động quốc tế tại Nghệ An	Chi nhánh của Công ty liên kết của Công ty mẹ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**2. Giao dịch và số dư với bên liên quan (tiếp)**

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

		<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
<b>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</b>		<b>2.519.998.365</b>	<b>3.042.190.000</b>
- Thu nhập và thù lao của Tổng Giám đốc		469.858.038	508.608.000
- Thu nhập và thù lao của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị		1.603.882.091	2.270.252.000
Ông Lê Doãn Long	Chủ tịch HĐQT	441.773.038	603.565.000
Ông Trần Văn Đạt	Phó Tổng Giám đốc	-	430.956.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên HĐQT	87.451.658	109.280.000
Ông Nguyễn Thạc Hoài	Thành viên HĐQT	87.451.658	109.280.000
Bà Trần Thị Hương	Thành viên HĐQT	47.191.705	-
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc	326.369.630	351.743.000
Ông Nguyễn Danh Hải	Phó Tổng Giám đốc	321.190.630	359.567.000
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Phó Tổng Giám đốc	292.453.772	305.861.000
- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát		256.354.975	263.330.000
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Nguyên Trưởng Ban kiểm soát	12.465.640	72.110.000
Bà Phan Thị Nhị Hà	Trưởng Ban kiểm soát	78.986.019	20.000.000
Ông Nguyễn Thế Tiến	Thành viên BKS	82.451.658	85.610.000
Bà Nguyễn Ngọc Thùy Dung	Thành viên BKS	82.451.658	85.610.000
- Thu nhập và thù lao của Kế toán trưởng		189.903.261	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng	Kế toán trưởng	189.903.261	-

**2b. Giao dịch với các bên liên quan**

		<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
<b>Cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</b>		<b>2.590.774.077</b>	<b>1.872.019.922</b>
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò		142.815.658	132.247.033
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý hàng hải Bến Thủy		2.171.575.585	1.173.258.826
- Công ty Vận tải Biển VIMC - Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP		-	183.639.205
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác Lao động quốc tế tại Nghệ An		276.382.834	382.874.858
<b>Nhận cổ tức</b>		<b>2.804.623.306</b>	<b>1.548.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Lai dất và Dịch vụ Hàng hải Cảng Cửa Lò		2.804.623.306	1.548.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét và số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 11 tháng 08 năm 2025

**Người lập biểu**



**Trần Lữ Giáp**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Thanh Hồng**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Kiều Hưng**

